

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Phụ lục II

DANH SÁCH CHỢ NÔNG THÔN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Địa điểm	Mã số Quy hoạch (mới)	Hạng chợ	Diện tích đất (m ²)	Tính chất đầu tư				Dự kiến Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Năm dự kiến thực hiện	Ghi chú
						Xây dựng mới (chưa có chợ)	Xây mới trên nền chợ cũ	Di dời - xây mới ở vị trí khác	Nâng cấp, cải tạo chợ đã có sẵn				
I	HUYỆN TÂN PHÚ		7		21.654	4	1	0	2	49.000	29.400		
1	Chợ Núi Tượng	Ấp 4, xã Núi Tượng	C98	3	1.554	X				7.000	4.200	2024-2025	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
2	Chợ Ngọc Lâm	Ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân	C99	3	3.055	X				10.000	6.000	2023-2024	
3	Chợ Phú Thịnh	Ấp 6, xã Phú Thịnh	C102	3	1.000	X				7.000	4.200	2025-2026	
4	Chợ Nam Cát Tiên	Ấp 5, xã Nam Cát Tiên	C95	3	2.796		X			7.000	4.200	2023-2024	
5	Chợ 13 Phú Lập	Ấp 3, xã Phú Lập	C94	3	5.659				X	5.000	3.000	2023-2024	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
6	Chợ Đắc Lua	Ấp 12, xã Đắc Lua	C97	3	2.578				X	3.000	1.800	2023-2024	
7	Chợ 142	Ấp 1, xã Phú An	C101	3	5.012	X				10.000	6.000	2025-2026	
II	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		8		52.299	4	0	0	4	28.000	16.800		
1	Chợ trung tâm thị trấn Định Quán	Thị trấn Định Quán	C71	2	20.000				X	5.000	3.000	2022-2023	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
2	Chợ 105 Phú Ngọc	Xã Phú Ngọc	c77	3	5.485				X	2.000	1.200	2022-2023	
3	Chợ Phú Lợi	Ấp 2, xã Phú Lợi	C73	3	3.291				X	1.500	900	2022-2023	
4	Chợ Thanh Sơn	Ấp 1, xã Thanh Sơn	C82	3	8.123				X	1.500	900	2022-2023	
5	Chợ Lâm trường 3	Xã Thanh Sơn	C84	3	3.000	X				5.000	3.000	2023-2030	
6	Chợ Vĩnh An La Ngà	Xã La Ngà	C89	3	1.500	X				3.000	1.800	2023-2030	
7	Chợ 104 Phú Ngọc	Xã Phú Ngọc	C203	3	5.000	X				5.000	3.000	2023-2030	
8	Chợ Phú Tân	Xã Phú Tân	C78	3	5.900	X				5.000	3.000	2023-2030	
III	HUYỆN VĨNH CỬU		4		26.338,7	2	0	1	1	53.000	10.800		
1	Chợ Vĩnh Tân	ấp 2, xã Vĩnh Tân	C140	3	10.000,0	X				10.000	3.000	2023-2030	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
2	Chợ Thanh Phú	ấp 2, xã Thanh Phú	C141	3	4.096,0			X		30.000	3.000	2023-2030	
3	Chợ Hiếu Liêm	ấp 3, xã Hiếu Liêm	C142	3	2.242,7				X	3.000	1.800	2023-2030	

STT	Tên chợ	Địa điểm	Mã số Quy hoạch (mới)	Hạng chợ	Diện tích đất (m ²)	Tính chất đầu tư				Dự kiến Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Năm dự kiến thực hiện	Ghi chú
						Xây dựng mới (chưa có chợ)	Xây mới trên nền chợ cũ	Di dời - xây mới ở vị trí khác	Nâng cấp, cải tạo chợ đã có sẵn				
4	Chợ Trị An	ấp 1, xã Trị An	C144	3	10.000,0	X				10.000	3.000	2023-2030	
IV	HUYỆN XUÂN LỘC		2		9.111,7	1	0	0	1	5.500	3.300		
1	Chợ Xuân Hòa	ấp 3, xã Xuân Hòa	C132	3	1.839,8				X	2.500	1.500	2.025	
2	Chợ Trảng Táo	ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm	C136	3	7.271,9	X				3.000	1.800	2.029	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
V	HUYỆN LONG THÀNH		4		76.660,1	3	0	1	0	200.000	16.000		
1	Chợ Tam An	ấp 5, xã Tam An	C180	3	30.000	X				50.000	4.000	2024	
2	Chợ Bình Sơn	ấp 10, xã Bình Sơn	C196	3	11.009,7	X				50.000	4.000	2023	
3	Chợ An Viễn	ấp An Viễn, xã Bình An	C190	3	25.614,8	X				50.000	4.000	2024	
4	Chợ Tân Hiệp	ấp 2, xã Tân Hiệp	C181	3	10.035,6			X		50.000	4.000	2023	
VI	HUYỆN NHƠN TRẠCH		4		7.025	4	0	0	0	40.000	12.000		
1	Chợ Phú Hội	xã Phú Hội	C162	2	1.816	X				10.000	3.000	2023-2030	
2	Chợ Long Tân	xã Long Tân	C159	2	3.591	X				15.000	3.000	2023-2030	
3	Chợ Phú Thạnh	xã Phú Thạnh	C151	2	818	X				7.500	3.000	2023-2030	
4	Chợ Đoàn Kết	xã Vĩnh Thanh	C165	2	800	X				7.500	3.000	2023-2030	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
VII	THÀNH PHỐ LONG KHÁNH		1		9.953	0	0	1	0	30.000	3.000		
1	Chợ và phố chợ Bình Lộc	ấp 1, xã Bình Lộc	C207	3	9.953			X		30.000	3.000	2025-2030	kiểm tra lại thời điểm đầu tư
	TỔNG CỘNG		30		203.041,5	18	1	3	8	405.500	91.300		